TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/DS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2017
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Hoàng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phái- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:38/2016/TLST-DS, ngày 29/6/2016 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-DS ngày 08/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/ST- DS ngày 22/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 14, ngõ 6 đường Nguyễn Đình T, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh G;

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn Y - sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh G;

Nơi ở: thôn T 1, xã N, huyện T, tỉnh G;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Trương Văn Th - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 14, ngõ 6, đường Nguyễn Đình T, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh G;

Do chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1980 đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 14, ngõ 6, đường Nguyễn Đình T, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh G;

- Chị Dương Thị H - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh G;

Nơi ở: thôn T 1, xã N, huyện T, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L ngày 17/5/2016 và các lời khai của nguyên đơn trình bày: ngày 25/01/2011 chị L chị có cho anh Nguyễn Văn Y vay số tiền 180.000.000 đồng. Khi vay tiền chị L, anh Y có nói mục đích vay tiền chị để làm kinh tế gia đình. Hai biên có thỏa thuận khi nào chị cần tiền thì báo cho anh Y, chị H sẽ phải thanh toán trả hết số tiền trên trong vòng 20 ngày. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng chị và anh Y có thỏa thuận miệng lãi suất trả đều hàng tháng là 2,2%/ tháng. Chị L là người trực tiếp giao tiền cho anh Y và viết giấy biên nhận vay tiền. Anh Y đã nhận số tiền vay 180.000.000 đồng và ký vào giấy vay tiền ở phần người vay ký nhận. Sau khi chị cho anh Y vay tiền được 2 tháng chị L đã báo cho anh Y trả gốc và lãi nhưng anh Y, chị H không trả, chị L đã phải đòi tiền anh Y, chị H nhiều lần nhưng đều khất nợ chị số tiền gốc và lãi. Nay chị yêu cầu anh Y, chị H phải thanh toán trả cho vợ chồng chị số tiền là 180.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu lãi suất. Chị L cho rằng số tiền chị cho anh Y vay là tài sản chung của vợ chồng, các con chị còn nhỏ nên không liên quan gì đến các con chị.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: vào ngày 25/01/2011 anh có vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 180.000.000 đồng. Khi vay anh trực tiếp đến nhà chị L đặt vấn đề vay số tiền 180.000.000 đồng, chị L đồng ý. Chị L là người trực tiếp lập giấy biên nhận vay tiền và anh Y là người ký ghi rõ họ tên vào bên người vay tiền ký nhận. Sau khi chị Lviết giấy biên nhận vay tiền xong thì chị L giao số tiền 180.000.000 đồng cho anh. Hai bên không thống nhất thỏa thuận về lãi suất vay. Mục đích vay để anh làm kinh tế, cụ thể anh vay để làm công trình xây dựng. Anh đã được Tòa án cho xem giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 25/1/2011, anh Y khẳng định chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn Y bên người vay ký nhận đúng là chữ ký, chữ viết của anh. Còn phần ghi nội dung vay số tiền 180.000.000 đồng là chữ viết của chị L.

Sau khi vay số tiền trên của chị L đến khoảng tháng 5/2011 chị L có yêu cầu anh phải thanh toán trả số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc. Tính từ khi vay đến nay anh đã trả cho chị L số tiền cụ thể như sau: ngày 10/5/2011 anh trả cho chị L số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07/8/2011trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng; ngày 01/10/2011 trả 20.000.000 đồng; ngày 28/01/2014 anh trả cho chị L số tiền 40.000.000 đồng.

Vào ngày 25/ 01/2013 anh trả cho chị L số tiền 47.050.000 đồng theo chuyển khoản công trình trường tiểu học số 01 N. Người chuyển khoản là UBND xã T nhưng số tiền này là tiền của anh. Vì khi đó anh nhờ công ty XDTM&DV D của chị L làm tư cách pháp nhân để làm công trình trường tiểu học xã T. UBND xã T thanh toán tiền công trình cho anh qua công ty XDTM&DV D số tiền 47.050.000 đồng. Anh và chị L có thống nhất chuyển số tiền 47.050.000 đồng trên trừ vào khoản tiền mà anh đã vay của chị L trên. Tổng số tiền mà anh đã trả cho chị L là 157.050.000 đồng.

Ngoài khoản tiền trả chuyển khoản cho công ty XDTM&DV D thì tất cả các lần anh trả tiền cho chị L nêu trên anh đều trả tại nhà chị L và đưa trực tiếp cho chị L. Do tin tưởng là người nhà nên anh không lập giấy biên nhận trả tiền mà anh chỉ ghi sổ theo dõi của anh không có chữ ký của chị L. Hiện nay anh chỉ còn nợ chị L số tiền 23.000.000 đồng. Nay chị L yêu cầu vợ chồng anh phải thanh toán trả số tiền 267.750.000đ, trong đó: tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 87.750.000 đồng anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền gốc còn nợ lại là 23.000.000 đồng. Do khi vay thì hai bên không thỏa thuận tính lãi nên anh không đồng ý trả tiền lãi cho chị L. Khi anh vay số tiền trên của chị L thì vợ anh chị H không được biết, không được sử dụng số tiền trên. Sau khi vay số tiền trên của chị L anh cũng không về nói chuyện gì cho chị H biết. Mục đích anh vay số tiền trên là để làm kinh tế, cụ thể là để đầu tư vào các công trình xây dựng do anh quản lý nhưng do các chủ đầu từ của các công trình do anh quản lý chưa thanh toán trả tiền cho anh nên anh chưa có lợi nhuận mang về để phục vụ cuộc sống trong gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: ngày 25/01/2011 vợ chồng anh có cho anh Nguyễn Văn Y vay số tiền 180.000.000 đồng. Khi vay tiền anh Y có nói mục đích vay tiền để làm kinh tế gia đình. Hai biên có thỏa thuận khi nào vợ chồng anh cần tiền thì báo cho anh Y, chị H sẽ phải thanh toán trả hết số tiền trên trong vòng 20 ngày. Vợ anh là người trực tiếp giao tiền cho anh Y và viết giấy biên nhận vay tiền. Anh Y đã nhận số tiền vay 180.000.000 đồng và ký vào giấy vay tiền. Sau khi chị cho anh Y vay tiền đã nhiều lần vợ chồng anh đòi tiền nhưng anh Y chị H khất lần không trả.

Kể từ khi vay đến nay vợ chồng anh Y chưa thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền đã vay. Anh yêu cầu anh Y, chị H phải thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 87.750.000 đồng từ khi vay cho đến ngày xét xử vụ án. Tổng số tiền gốc và lãi là 267.750.000 đồng. Anh Th cho rằng số tiền anh Y vay là tài sản chung của vợ chồng, các con chị còn nhỏ nên không liên quan gì đến các con anh.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền của anh Th yêu cầu anh Y, chị H phải thanh toán trả cho vợ chồng chị số tiền là 180.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai chị H trình bày:

Vào ngày 25/01/2011 chồng chị và chị L có cho nhau vay số tiền như thế nào chị không được biết. Đến khi chị L đến nhà chị đòi số tiền vay một vài lần thì chị mới được biết là chồng chị có vay của chị L số tiền 180.000.000 đồng. Sau khi chị L đến nhà chị đòi tiền, chồng chị đã thanh toán trả cho chị L số tiền như sau: ngày 10/5/2011 trả cho chị L số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07/8/2011 trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng; ngày 01/10/2011trả 20.000.000 đồng; ngày 03/01/2012 trả cho chị L số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/01/2014 trả cho chị L số tiền 40.000.000 đồng.Vào ngày 25/01/2013 anh Y trả cho chị L số tiền 47.050.000 đồng theo chuyển khoản công trình trường tiểu học số 01 N. Tổng cộng anh Y đã thanh toán trả cho chị L số tiền 157.050.000 đồng tiền gốc. Khi anh Y trả tiền chị L do anh Y đến nhà chị L trả sau đó anh Y về nói cho chị biết. Số tiền anh Y trả chị L là tiền anh Y thu được đầu tư xây dựng công trình của anh Y. Chị không lần nào đưa tiền cho anh Y đi trả cho chị L. Chị làm nghề giáo viên, còn anh Y làm nghề xây dựng. Tuy vợ chồng chị mỗi người một nghề nhưng đều làm là phục vụ kinh tế chung gia đình.

Nay chị L yêu cầu vợ chồng chị phải thanh toán trả số tiền 267.750.000đ, trong đó: tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 87.750.000 đồng chị không đồng ý. Còn việc đồng ý trả số tiền bao nhiêu do anh Y tự quyết định, chị không liên quan gì đến khoản tiền vay trên của anh Y với chị L vì khi anh Y vay tiền chị không được biết, không được cầm tiền và cũng không được sử dụng khoản tiền đã vay của chị L.

Tòa án đã tiến hành cho đối chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án. Chị L là nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án.

Sau phần tranh luận, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh

Yvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh năm 2009 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của chị L đối với anh Y. Buộc anh Y, chị H phải trả cho chị L số tiền gốc 180.000.000 đồng. Buộc anh Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị L số tiền 6.930.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H đã được tống đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nên Toà án xét xử vắng mặt anh Y, chị H theo quy định tại Điểm b Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: nay chị Nguyễn Thị L kiện đòi anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H có trách nhiệm trả khoản tiền vay gốc 180.000.000 đồng là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản".

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 25/01/2011 chữ ký của người vay là anh Nguyễn Văn Y ký nhận. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Th kiện đòi nợ anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H thì thấy đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi suất.

Chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Th đã thực hiện việc cho anh Nguyễn Văn Y vay tiền và có lập giấy biên nhận. Việc vay tiền có chữ ký của anh Y. Tại giấy vay tiền ngày 25/01/2011 anh Y vay chị L, anh Th số tiền 180.000.000 đồng. Anh Y đã nhận đủ số tiền vay. Thời hạn thanh toán khi nào chị L, anh Th cần anh Y, chị H sẽ thanh toán trả hết số tiền vay trong vòng 20 ngày kể từ khi vợ chồng chị L yêu cầu. Sau khi vay hai tháng chị L đòi nợ anh Y, chị H nhưng vợ chồng anh Y không trả chị L tiền gốc và lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền trên phù hợp lời khai của chị L, anh Th là người cho vay. Như vậy, có cơ sở khẳng định việc vay tiền giữa chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Th và anh Nguyễn Văn Y là

có thật. Chị L, anh Th có cho anh Y vay với tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng. Chị L, anh Th xác định số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và lãi suất này đến nay anh Y, chị H chưa trả mặc dù vợ chồng chị L đã đòi nợ nhiều lần. Anh Y chị H cũng xác định anh Y có vay của vợ chồng chị L số tiền gốc 180.000.000 đồng nhưng đã trả được 157.050.000 đồng tiền gốc chỉ còn nợ chị L 23.000.000 đồng cụ thể: ngày 10/5/2011 trả cho chị L số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07/8/2011 trả chị L số tiền 10.000.000 đồng; ngày 01/10/2011 trả 20.000.000 đồng; ngày 03/01/2012 trả chị L số tiền 20.000.000 đồng; ngày 25/01/2013 trả cho chị L số tiền 47.050.000 đồng theo chuyển khoản công trình trường tiểu học N; ngày 28/01/2014 trả cho chị L số tiền 40.000.000 đồng. Chị H xác định anh Y vay tiền chị L để đầu tư vào các công trình xây dựng do anh Y quản lý. Anh Y và chị L cho nhau vay số tiền như thế nào thì chị không được biết. Đến khi chị L đến nhà chị đòi số tiền vay một vài lần thì chị mới được biết là chồng chị có vay của chị L số tiền 180.000.000 đồng.Tuy vợ chồng chị mỗi người một nghề nhưng đều làm là phục vụ kinh tế chung gia đình.

Anh Y cho rằng ngoài khoản tiền trả chuyển khoản cho công ty XDTM&DV D thì tất cả các lần anh trả tiền chị L nêu trên thì anh đều trả tại nhà chị L và đưa trực tiếp cho chị L. Do tin tưởng là người nhà nên anh không lập giấy biên nhận trả tiền mà anh chỉ ghi sổ theo dõi của anh không có chữ ký của chị L. Anh Y có nộp cho Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giấy đánh máy ghi ngày 30/9/2015 gửi anh Y, chị H về chi tiết số liệu vay, trả lãi món vay do chị Nguyễn Thị T là chị gái của chị L đưa cho anh. Tuy nhiên Chị Nguyễn Thị T là chị gái của chị L xác định không đưa cho anh Y chị H phong bì hay bất kỳ giấy tờ gì. Giấy ghi ngày 30/9/2015 gửi anh Y, chị H về chi tiết số liệu vay, trả lãi món vay không có chữa viết và chữ ký của chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn Th. Chị L không thừa nhận là đã nhận số tiền trên. Chị L khẳng định số tiền 47.050.000 đồng theo chuyển khoản công trình trường tiểu học số 01 N là khoản tiền thanh toán tiền xây dựng công trình trường tiểu học 01 N mà công ty với UBND xã T đã ký kết hợp đồng kinh tế không liên quan gì đến khoản vay của vợ chồng chị với anh Y.

Tại biên bản làm việc với UBND xã T ngày 27/4/2017 theo hợp đồng kinh tế số 07 ngày 29/10/2008 UBND xã T do ông Phạm Văn H là chủ tịch ký hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ D do chị Nguyễn Thị L là giám đốc dại diện. Số tiền 47.050.000 đồng mà UBND xã T chuyển vào tài khoản 4422030.0005167 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển nông thôn B vào ngày 25/01/2013 là kkhoản tiền thang toán công trình giữa UBND xã T với Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ D nên khoản tiền 47.050.000 đồng này không liên quan gì đến việc vay nợ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Y vào ngày 25/01/2011. Số tiền 47.050.000 đồng này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Do vậy không có cơ sở về việc anh Y, chị H đã trả số tiền nêu trên cho chị L anh Th. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh Y, chị H đang chung

sống cùng nhau, tài sản vợ chồng là khối tài sản chung hợp nhất nên cần buộc anh Nguyễn Văn Y và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Lvà anh Trương Văn Th số tiền nợ gốc đã vay là 180.000.000 đồng là có cơ sở.

Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng chị L xác định hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2,2%/ tháng. chị có yêu cầu tính lãi từ khi vay 25/01/2011 đến ngày xét xử theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định nhưng đến nay chị L là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Th không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về lãi suất.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có liệu lực pháp luật nên cần án dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả chị Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí. Về quyền kháng cáo các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 194; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự';

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Xử:

1- Buộc anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Th tổng số tiền gốc là: 180.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Y, chị Dương Thị H phải chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị L 6.930.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2014/0000875 ngày 29/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyệnT.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
- các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hoàng Văn Cường